|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ­­­­­­­­­­­Số: /2019/TT-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.**

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.*

*Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về thu và quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án (bao gồm dự án sử dụng vốn chi đầu tư và vốn chi thường xuyên) của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

Các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (BQLDA) được thành lập theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và các Nghị định khác do Chính phủ ban hành, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu và quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt độngquản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

3. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ: Thực hiện thu và quản lý, sử dụng các khoản thu của chủ đầu tư, BQLDA theo Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. Trường hợp không có quy định tại Điều ước quốc tế, Thông tư hướng dẫn riêng thì thực hiện theo Thông tư này.

4. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Doanh nghiệp tư vấn khi thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

b) Các BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực do Người đại diện có thẩm quyền của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định thành lập.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý**

1. Chủ đầu tư, BQLDA thực hiện thu và quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư bao gồm Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng chính sách xã hôi, Ngân hàng Phát triển, cơ quan được ủy quyền thanh toán, cho vay, cấp vốn đầu tư đối với các dự án, kể cả các dự án có độ mật cao (sau đây gọi chung là cơ quan thanh toán) thực hiện tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý dự án kịp thời, đầy đủ cho các chủ đầu tư, BQLDA theodự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt,chế độ tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đề nghị của chủ đầu tư, BQLDA, chế độ quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

3. Cơ quan Tài chính các cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, BQLDA chỉ đạo chủ đầu tư, BQLDA thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án**

Các khoản thu từ hoạt độngquản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA gồm có:

1. Chi phí quản lý dự án được tính trong tổng mức đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý theo quy định.

2. Các khoản được khấu trừ và để lại từ việc để thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án như: tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng, thẩm định dự toán xây dựng và các hoạt động khác theo quy định hiện hành.

3. Các khoản dịch vụ tư vấn của BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực cho các chủ đầu tư, BQLDA khác theo hợp đồng được ký kết, không trái với quy định của pháp luật khi được yêu cầu và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao.

4. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất khi chủ đầu tư, BQLDA được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất).

*5. Bán hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, BQLDA sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.*

*6. Chi phí chuẩn bị và thực hiện dự án PPP khi BQLDA được cấp có thẩm quyền giao làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)* tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Khoản thu này thực hiện việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của dự án PPP theo quy định tại Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

7. Các khoản thu hợp pháp khác của đơn vị theo quy định của pháp luật. Các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý.

**Điều 4. Chế độ kế toán và hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án**

1. Chế độ kế toán: Chủ đầu tư, BQLDA áp dụng chế độ kế toán phù hợp theo quy định hiện hành.

2. Hạch toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

a) Các khoản thu từ việc thực hiện quản lý dự án, từ việc Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện các công việc tư vấn thuộc các dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào nguồn vốn của dự án đó.

b) Các khoản thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng và các khoản thu khác hạch toán vào doanh thu của BQLDA.

**Điều 5. Tài khoản giao dịch**

1. Chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản giao dịch để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư, BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực quản lý nhiều dự án được mở một tài khoản chung tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch của chủ đầu tư, BQLDA để tiếp nhận nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án của tất cả các dự án được giao quản lý.

2. BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành có các hoạt động dịch vụ được mở tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi của hoạt động dịch vụ. Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ của BQLDA phải được hạch toán riêng và kê khai nộp thuế theo quy định.

BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành nhận ủy thác quản lý thực hiện các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước đối với dự án được ủy thác:

a) Trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác toàn bộ cho BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực thực hiện quản lý dự án (bao gồm cả việc rút dự toán và giao dịch với cơ quan kiểm soát thanh toán) và được Chủ đầu tư ủy quyền chủ tài khoản thì BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực mở tài khoản dự toán để nhận, quản lý, thanh toán chi phí quản lý dự án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác một phần công việc quản lý dự án cho BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực thì mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nhà nước để quản lý, thanh toán chi phí được hưởng khi thực hiện quản lý dự án theo hợp đồng.

**Điều 6. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước**

BQLDA khu vực, BQLDA chuyên ngành có các khoản thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho các chủ đầu tư, BQLDA khác và các khoản thu hợp pháp khác mà các khoản thu này không tính vào chi phí đầu tư của các dự án được giao nhiệm vụ quản lý, phải thực hiện đăng ký, nộp đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế, phí, lệ phí.

**Điều 7. Quản lý và sử dụng tài sản**

Việc mua sắm, trang bị và qản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động của dự án thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 8. Phân nhóm đối tượng quản lý dự án**

1. Nhóm I: các chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án do người quyết định đầu tư giao (trừ trường hợp người quyết định đầu tư giao BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, BQLDA đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư), BQLDA đầu tư xây dựng *1 dự án*.

Chủ đầu tư, BQLDA nhóm I thực hiện theo quy định tại Điều 9 đến Điều 14 Chương II Thông tư này.

2. Nhóm II: BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, BQLDA đầu tư xây dựng khu vực do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thành lập.

BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực xây dựng phương án tự chủ về tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo người quyết định thành lập để phê duyệt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

Phương án 1: BQLDA nhóm II thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác.

Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, các khoản chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng,... được quyết toán theo đúng định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư, dự toán của dự án.

Phương án 2: BQLDA nhóm II thực hiện theo quy định tại *Điều 9, Điều 10 và Điều 15 đến Điều 20* Chương II Thông tư này.

***(Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có ý kiến cụ thể về việc lựa chọn phương án).***

**Điều 9. Lập** **dự toán hằng năm**

1. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt dự toán, nhưng phải tuân thủ các nội dung chi quy định tại Điều 11 Thông tư này và không vượt định mức trích hoặc được phê duyệt trong dự án, dự toán theo quy định.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt một dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận tiện sử dụng. Trường hợp lập dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng, cần thể hiện rõ các nội dung chi của chủ đầu tư và các nội dung chi của BQLDA.

3. Cơ sở để lập dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án

a) Quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư, quyết định thành lập BQLDA.

b) Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán.

c) Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với các khoản thu và chi phí quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

d) Văn bản cho phép chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện một số công việc như: tiếp nhận, bảo quản vật tư, thiết bị của dự án, các hoạt động khác và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các công việc nói trên kèm theo.

đ) Các khoản thu quy định tại Điều 3 Thông tư này.

e) Các quy định về định mức trích chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng hiện hành.

g) Bảng tính lương năm của người lao động tham gia quản lý dự án theo Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó xác định rõ danh sách người lao động trực tiếp tham gia quản lý dự án theo 3 mục: người hưởng lương từ dự án, người hưởng lương theo hợp đồng, người hưởng phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án.

h) Các quy định về quản lý tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

i) Định mức tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản, định mức mua ô tô, tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc, tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động, chế độ công tác phí trong và ngoài nước, chế độ tiếp khách trong và ngoài nước và chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

k) Các căn cứ khác của dự án (nếu có).

4. Việc phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA một dự án do chủ đầu tư quyết định thành lập: tỷ lệ phân chia kinh phí tương ứng với tỷ lệ phân công nhiệm vụ, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA do chủ đầu tư quyết định và được ghi trong quyết định thành lập BQLDA hoặc văn bản giao nhiệm vụ.

- Đối với phân chia chi phí quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực: việc phân chia chi phí quản lý dự án căn cứ theo nội dung, khối lượng và tính chất công việc quản lý dự án do chủ đầu tư và BQLDA chuyên ngành, khu vực thực hiện và được thể hiện trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và BQLDA.

**Điều 10. Nội dung thu trong dự toán**

1. Xác định nguồn thu được trích theo từng dự án:

Nguồn kinh phí trích theo từng dự án được giao quản lý và dự kiến số thu để triển khai quản lý dự án cho các năm triển khai thực hiện dự án để ghi vào Mẫu số 01(i)/DT-QLDA - Bảng tính nguồn kinh phí quản lý dự án ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

|  |
| --- |
| **GQLDA (CĐT) = GQLDA + GTV - GTTV** |

**GQLDA(CĐT)**: Kinh phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng theo từng dự án trong suốt quá trình quản lý dự án

**GQLDA**: Chi phí quản lý dự án của dự án được xác định căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí quản lý dự án theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp các dự án không có định mức trong các văn bản công bố hoặc chỉ làm công tác chuẩn bị đầu tư cho dự ánthì trích theo dự toán do cấp giao nhiệm vụ duyệt. Đối với các dự án ODA nếu Hiệp định của dự án hoặc Thỏa thuận về vốn viện trợ không hoàn lại ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ quy định cụ thể về mức kinh phí quản lý dự án thì thực hiện theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận đó.

**GTV**: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện được xác định căn cứ tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt và định mức trích chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo văn bản công bố của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp khoản chi phí tư vấn không có định mức trong các văn bản công bố thì lập dự toán theo quy định.

**GTTV**: Chi phí thuê tư vấn thực hiện được xác định mức chi cụ thể cho những công việc thuộc chi phí quản lý dự án mà chủ đầu tư, BQLDA cần phải thuê tư vấn thực hiện (bao gồm cả trường hợp chủ đầu tư thuê BQLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực thực hiện quản lý dự án theo hợp đồng Ủy thác quản lý dự án).

2. Dự toán thu năm kế hoạch được lập theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó xác định rõ: Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang, nguồn thu từ dự án được giao quản lý (nguồn trích quản lý dự án và nguồn thu khác từ các dự án được giao quản lý), nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư, BQLDA khác (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có), nguồn thu bổ sung trong năm (nếu có), tổng nguồn thu theo dự án, luỹ kế nguồn đã thu các năm trước, nguồn thu năm kế hoạch (nguồn thu được sử dụng trong năm và nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng), nguồn còn lại thu các năm sau.

**Điều 11. Nội dung chi trong dự toán của BQLDA nhóm I**

Nội dung chi trong dự toán của chủ đầu tư, BQLDA nhóm I được lập theo quy định tại Mẫu số 04/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung chi cụ thể như sau:

1. Tiền lương:

a) Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được giao, lương theo hợp đồng lao động đối với người được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Tiền lương làm thêm giờ, làm đêm theo quy định của Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các văn bản hướng dẫn thực hiện (Nghị định số 45/2013/NQ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Thông tư liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức).

2. Tiền công trả cho người lao động theo công việc cụ thể, theo thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các khoản phụ cấp lương:

a) Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp chức vụ, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại, nguy hiểm, các chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với các cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/2/2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khănvà các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án:

- Đối với người được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án tại một BQLDA được hưởng phụ cấp quản lý dự án theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại BQLDA. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó.

- Trường hợp người được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều BQLDA thì mức phụ cấp quản lý dự án kiêm nhiệm được xác định tương ứng với tỷ lệ thời gian làm việc cho từng BQLDA, nhưng tổng mức phụ cấp của tất cả các BQLDA làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% mức lương theo cấp bậc, phụ cấp lương được hưởng.

- Những người đã hưởng lương theo quy định tại Khoản 1 Điều này không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Khoản này.

4. Các khoản trích nộp theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn, trích nộp khác đối với người được hưởng lương từ dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Khen thưởng: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất (nếu có) và các chi phí liên quan đến khen thưởng. Mức chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng. Mức trích lập dự toán chi tiền thưởng tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng.

6. Phúc lợi tập thể: Thanh toán tiền nghỉ phép, nghỉ chế độ, trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất, tiền thuốc y tế.

7. Thanh toán dịch vụ công cộng: tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, nhiên liệu, khoán phương tiện, các dịch vụ khác.

8. Mua vật tư văn phòng: công cụ, dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, khác.

9. Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: cước phí điện thoại, bưu chính, Fax, Internet, sách, báo, tài liệu quản lý.

10. Hội nghị: thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

11. Thanh toán công tác phí: thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

12. Thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, nhà làm việc, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia và giảng viên, thuê đào tạo lại cán bộ, thuê mướn khác.

13. Đoàn đi công tác tại nước ngoài: thực hiện theo nội dung, tiêu chuẩn, định mức chi tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

14. Đoàn vào: Thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

15. Sửa chữa thường xuyên tài sản: việc sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.

16. Mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án: thiết bị phòng cháy chữa cháy, máy tính, phần mềm máy tính, máy văn phòng, các tài sản khác phục vụ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, BQLDA phải có trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị của nhà nước theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công.

17. Khác: nộp thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm tài sản và phương tiện, tiếp khách, chi ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình và một số khoản chi khác.

18. Dự phòng.

Định mức chi tiêu đối với các khoản chi tại điều này thực hiện theo các quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 12.Thẩm định, phê duyệt dự toán của BQLDA nhóm I**

*1. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán.*

2. Hồ sơ trình thẩm định dự toán:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán công trình,quyết định thành lập BQLDA.

b) Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA.

c) Phần thu trong dự toán năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA.

d) Phần chi trong dự toán năm theo Mẫu số 04/DT-QLDA.

đ) Bảng tính lương năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA.

e) Quyết định phân công cán bộ, công chức, viên chức làm việc kiêm nhiệm, xác định tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại BQLDA.

3. Nội dung thẩm định dự toán:

a) Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, sự phù hợp trong việc phân bổ nguồn kinh phí cho các năm trong Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA đối với nhiệm vụ được giao năm kế hoạch.

b) Thẩm định sự phù hợp trong bảng thu trong dự toán năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA.

c) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 04/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thẩm định dự toán theo quy định và hồ sơ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ.

Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới BQLDA, cơ quan thanh toán và các đơn vị có liên quan để thực hiện.

5. Trong quá trình sử dụng, chủ đầu tư được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh các khoản chi trong phạm vi dự toán năm đã duyệt. Trường hợp thu không đạt dự toán thì chủ đầu tư phải điều chỉnh dự toán chi cho phù hợp, đảm bảo dự toán chi không được vượt dự toán thu. Trường hợp dự toán thu hoặc dự toán chi hoặc cả dự toán thu và dự toán chi vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 13. Quy định về sử dụng kinh phí tiết kiệm được của BQLDA nhóm I**

1. Số kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được khi kết thúc năm ngân sách là khoản chênh lệch giữa nguồn thu thực tế của dự toán thu được duyệt trong năm lớn hơn số đã chi thực tế của dự toán chi được duyệt sử dụng trong năm đúng quy định sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao trong năm về quản lý dự án đầu tư.

Trường hợp các nhiệm vụ chi đã được phê duyệt trong dự toán không thực hiện trong năm, hoặc đang thực hiện dở dang mà tiếp tục thực hiện trong năm sau thì được chuyển dự toán của các khoản kinh phí đó sang năm sau để tiếp tục thực hiện. Trường hợp này đơn vị phải xác định và chịu trách nhiệm về số kinh phí tương ứng với nhiệm vụ chi chưa thực hiện hoặc thực hiện dở dang để chuyển năm sau, nguồn kinh phí này không được sử dụng để xác định kinh phí tiết kiệm trong năm.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được trong năm | ~~=~~ | Nguồn thu thực tế của dự toán thu được duyệt sử dụng trong năm | ~~-~~ | Số đã chi thực tế của dự toán chi được duyệt trong năm đúng quy định | ~~-~~ | Dự toán bố trí cho các nhiệm vụ chi chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện |

2. Nội dung sử dụng kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được:

Việc sử dụng kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được phải được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của chủ đầu tư, BQLDA. Chủ đầu tư, BQLDA xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định hoặc có văn bản chấp thuận trước khi ban hành Quy chế.

a) Chi thu nhập tăng thêm:

- Trong phạm vi nguồn kinh phí tiết kiệm được, chủ đầu tư, BQLDA xác định hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa 1,0 (một) lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng hưởng lương từ chi phí quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

- Việc chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động đảm bảo nguyên tắc gắn với khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, bảo đảm thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức trong cùng đơn vị.

b) Chi khen thưởng: chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng).

c) Chi các hoạt động phúc lợi tập thể:

- Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể.

- Hỗ trợ người lao động các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Thương binh liệt sỹ,...), ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau, nghỉ hưu, nghỉ mất sức.

- Hỗ trợ chi trang phục cho người lao động.

- Hỗ trợ người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế.

- Chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi.

d) Số kinh phí tiết kiệm được cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau, đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I-Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang) để lập dự toán cho năm sau.

3. Tạm chi kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được.

a) Căn cứ dự toán thu, chi trong năm và Quy chế chi tiêu nội bộ và tùy theo điều kiện cụ thể của đơn vị, chủ đầu tư, BQLDA tạm chi số kinh phí có khả năng tiết kiệm được trong năm kế hoạch như sau:

- Đối với chi thu nhập tăng thêm: Tạm chi thu nhập tăng thêm trong năm được thực hiện theo 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng hoặc cả năm tùy theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của chủ đầu tư, BQLDA. Mức tạm chi thu nhập tăng thêm từng lần tối đa 70% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định tương ứng trong 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng hoặc cả năm của chủ đầu tư, BQLDA.

- Đối với chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể: căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ và điều kiện cụ thể của đơn vị, chủ đầu tư, BQLDA tạm chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm.

b) Kết thúc năm ngân sách, sau khi quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án được chủ đầu tư phê duyệt, trường hợp số kinh phí tiết kiệm được thực tế thấp hơn số kinh phí tiết kiệm được mà đơn vị đã tạm chi và số kinh phí Kho bạc Nhà nước đã thực hiện chi trả, căn cứ quyết toán được phê duyệt, chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm thu hồi số tiền đã cấp vượt từ kinh phí quản lý dự án tiết kiệm được của các đối tượng đã chi trả để nộp trả số kinh phí đã chi vượt vào tài khoản của chủ đầu tư, BQLDA mở tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

**Điều 14. Quyết toán của BQLDA nhóm I**

1. Khi kết thúc năm ngân sách, chủ đầu tư lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau lập báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01/QT-QLDA. Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án. Trước khi phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trong năm, chủ đầu tư lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp (đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý tài chính của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch theo phân cấp quản lý của địa phương) về sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA với dự toán được duyệt và quy định của Nhà nước.

Chủ đầu tư quản lý một dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng không phải lập và duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án hàng năm. Khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án kèm theo chứng từ chi tiêu cùng hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan thẩm tra quyết toán phê duyệt theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Thời gian thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thẩm tra báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo quy định và hồ sơ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ.

3. Hồ sơ báo cáo quyết toán:

a) Tờ trình xin phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

b) Mẫu số 01/QT-QLDA: Bảng tổng hợp quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, có đối chiếu xác nhận số vốn đã thanh toán của cơ quan thanh toán.

c) Các chứng từ chi tiêu có liên quan phát sinh trong năm.

d) Bản sao các tài liệu như: quyết định giao dự toán năm, quyết định điều chỉnh dự toán trong năm (nếu có), thông báo duyệt quyết toán của năm trước.

4. Nội dung thẩm tra:

a) Thẩm tra việc sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trong năm kế hoạch.

b) Thẩm tra, đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA với định mức được trích, chế độ chi tiêu do Nhà nước ban hành và dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có).

c) Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Thẩm tra sự phù hợp của phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể thực hiện trong năm kế hoạch.

5. Quyết định phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án:

a) Quyết định phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trong năm thực hiện theo Mẫu số 01.QĐ/QT-QLDA (đính kèm).

b) Quyết toán chi phí quản lý toàn dự án khi dự án hoàn thành được phê duyệt chung trong Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

6. Xử lý số dư kinh phí hàng năm: khoản chênh lệch nguồn thu được quyết toán lớn hơn số đã chi được quyết toán được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau, đồng thời tổng hợp vào Mẫu số 02/DT-QLDA (Mục I- Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang).

7. Phân bổ chi phí quản lý dự án hằng năm: Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án thì chủ đầu tư thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý của các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Đối với các chi phí cho công tác tư vấn, tiếp nhận, bảo quản vật tư thiết bị, ... và các chi phí trực tiếp khác của dự án nào thì phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Phần chi phí quản lý chung sẽ phân bổ theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mức đầu tư của các dự án.

c) Tổng nguồn thu sử dụng trong năm bằng tổng giá trị phân bổ chi phí quản lý dự án trong năm. Việc phân bổ chi phí quản lý dự án hằng năm của từng dự án tương ứng với nhiệm vụ thực hiện của từng dự án trong năm, không phụ thuộc vào nguồn thu của từng dự án trong năm.

8. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí quản lý dự án được quyết toán là tổng hợp các giá trị phân bổ chi phí quản lý dự án của tunwfg dự án đã được phê duyệt hằng năm tại Quyết định phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án và không vượt định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư, dự toán của dự án.

9. Riêng đối với BQLDA đầu tư xây dựng 1 dự án: Sau khi dự án được giao quản lý hoàn thành, trường hợp số kinh phí quản lý dự án đã tạm ứng, thanh toán các năm cao hơn giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án trong quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt thì BQLDA phải nộp NSNN khoản chênh lệch. Trường hợp số kinh phí quản lý dự án đã tạm ứng, thanh toán nhỏ hơn giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án trong quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt thì Kho bạc Nhà nước thanh toán cho BQLDA phần chênh lệch này theo đề nghị của BQLDA và phù hợp với quy định hiện hành. Sau khi BQLDA hoàn thành nhiệm vụ và giải thể, việc xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính của BQLDA nhóm II**

1. BQLDA xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quy chế, trường hợp Quy chế có quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp. Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện theo Quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

2. Nguồn tài chính của BQLDA là các khoản thu quy định tại Điều 3 Thông tư này. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng của BQLDA nhóm II cho các chủ đầu tư, BQLDA khác phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của đơn vị.

3. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đối với các khoản chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này, Giám đốc BQLDA nhóm II được quyết định một số mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý cụ thể như sau:

a) Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: căn cứ vào khả năng tài chính, Ban QLDA được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu chi của đơn vị, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. BQLDA phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ôtô, tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc, tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động, chế độ công tác phí nước ngoài, chế độ tiếp khách trong và ngoài nước, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

5. Căn cứ tính chất công việc, Giám đốc BQLDA được quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc, Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 16. Nội dung chi trong dự toán năm của BQLDA nhóm II**

1. Chi thường xuyên, gồm: Tiền lương, tiền công trả cho người lao động theo hợp đồng, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương, khen thưởng, phúc lợi tập thể, thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí, chi phí thuê mướn, đoàn đi công tác nước ngoài, đoàn vào, sửa chữa thường xuyên tài sản, các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và các khoản chi khác theo chế độ quy định, dự phòng. Nội dung các khoản chi, định mức chi thường xuyên phải phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 15 Thông tư này và phải được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi không thường xuyên, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định, chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi khác có liên quan.

**Điều 17. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm của BQLDA nhóm II**

1. Xác định kết quả hoạt động tài chính trong năm

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, kết quả hoạt động tài chính trong năm là *phần chênh lệch giữa dự toán chi thường xuyên được duyệt sử dụng trong năm lớn hơn số chi thường xuyên thực tế đã chi trong năm đúng quy định* (không bao gồm các khoản chi thường xuyên trong dự toán chi chưa thực hiện hoặc chưa chi hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư này).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kết quả hoạt động tài chính trong năm | ~~=~~ | Dự toán chi thường xuyên được duyệt sử dụng trong năm | ~~-~~ | Số chi thường xuyên thực tế đã chi trong năm đúng quy định | ~~-~~ | Số chi thường xuyên phải chuyển nhiệm vụ sang năm sau để tiếp tục thực hiện |

2. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

Kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Trích lập tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Quỹ bổ sung thu nhập được trích tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án do Nhà nước quy định.

c) Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Mức trích đối với 2 Quỹ này tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.

d) Phần chêch lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

**Điều 18. Sử dụng các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA nhóm II**

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, phát triển năng lực hoạt động quản lý dự án, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị.

2. Quỹ bổ sung thu nhập: để chi thu nhập tăng thêm cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án (gồm: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng tiền lương từ chi phí quản lý dự án, trừ những người được cử đi học dài hạn) trong năm và dự phòng chi thu nhập tăng thêm cho người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

Nhà nước khuyến khích các BQLDA tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện tinh giản biên chế, tăng thêm thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tùy theo kết quả hoạt động tài chính trong năm, BQLDA được quyết định tổng mức chi trả thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định.

Việc chi trả thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc: người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn. BQLDA xây dựng quy chế chi thu nhập tăng thêm trong quy chế chi tiêu nội bộ theo khối lượng, nhiệm vụ công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc, đảm bảo thu hút được lao động có trình độ cao và tương quan hợp lý với tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức trong cùng đơn vị. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị và cũng theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công việc. Giám đốc BQLDA quyết định việc chi trả thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Khi nhà nước điều chỉnh các quy định về tiền lương, nâng mức lương cơ sở, khoản tiền lương cấp bậc, chức vụ tăng thêm theo chế độ nhà nước quy định do BQLDA tự bảo đảm từ nguồn tài chính của đơn vị.

3. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng). Mức thưởng do Giám đốc BQLDA quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong BQLDA (hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, hỗ trợ cho người lao động các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm, ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hỗ trợ chi trang phục cho người lao động, và các nội dung hỗ trợ khác), trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế. Giám đốc BQLDA quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

*5. Mức trích cụ thể của các Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và việc sử dụng (nội dung chi và mức chi) các Quỹ do Giám đốc đơn vị quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.*

6. Tạm trích Quỹ để chi:

a) Đối với Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Căn cứ dự toán thu, chi của năm, BQLDA tạm tính chi khen thưởng và các hoạt động phúc lợi tập thể trong năm được thực hiện theo điều kiện cụ thể của từng chủ đầu tư, BQLDA và phải quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Mức tạm tính không quá 2 tháng tiền lương, tiền công bình quân theo bảng tính lương dự toán trong năm.

b) Đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Căn cứ dự toán thu, chi của năm, kết quả hoạt động tài chính quý trước (đối với quý đầu tiên của năm kế hoạch, BQLDA căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính quý IV năm trước liền kề), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, BQLDA tự xác định chênh lệch nguồn thu được sử dụng, chi thường xuyên, thực hiện tạm trích Quỹ bổ sung thu nhập hàng quý (tối đa không vượt quá 70% số chênh lệch nguồn thu được sử dụng lớn hơn chi thường xuyên BQLDA xác định được theo quý) để tạm chi thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định hiện hành và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

**c) Kết thúc năm ngân sách, chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 năm sau, BQLDA xác định số chênh lệch nguồn thu được sử dụng trong năm lớn hơn chi thường xuyên và trích lập các Quỹ theo quy định.**

Trong đó, đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Trường hợp số đã tạm chi trước thu nhập tăng thêm của BQLDA vượt quá số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, số chi vượt phải trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập của năm trước còn dư (nếu có) và số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của BQLDA, nếu vẫn còn thiếu thì trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tập thể của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của BQLDA (nếu các Quỹ này không còn nguồn). Trường hợp số đã tạm chi thấp hơn số được trích lập các Quỹ theo quy định, BQLDA chi trả tiếp cho người lao động hoặc để lại Quỹ để chi cho người lao động năm sau, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.

Sau khi quyết toán năm của BQLDA được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số được trích lập các Quỹ theo quy định có thay đổi (tăng hoặc giảm) so với số BQLDA xác định khi kết thúc năm ngân sách, BQLDA có trách nhiệm **điều chỉnh lại số trích lập các Quỹ**, tương tự như khi kết thúc năm ngân sách nêu trên và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA.

**Điều 19. Quy định về lập, chấp hành dự toán của BQLDA nhóm II**

1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán

a) Lập dự toán

Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề, BQLDA lập dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm kế hoạch theo Mẫu số 01(i), 02, 03/DT-QLDA, 05/DT-QLDA gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cơ quan quyết định thành lập BQLDA hoặc cơ quan được cơ quan quyết định thành lập BQLDA ủy quyền).

Đối với BQLDA nhóm II do Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện) thành lập, cơ quan được ủy quyền là cơ quan tài chính ở địa phương (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch).

b) Thẩm định, phê duyệt dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án

Cơ quan phê duyệt dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án giao đơn vị chức năng tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt. Hồ sơ thẩm định, nội dung thẩm định, thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán thu, chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Thông tư này, quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 02/QĐ-QLDA.

Căn cứ nội dung chi thường xuyên (tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này), Quy chế chi tiêu nội bộ của BQLDA và quy định của pháp luật hiện hành đối với chi không thường xuyên (tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này), cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt về nội dung và mức chi của dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

Trong năm, trường hợp BQLDA có nhu cầu tăng tổng số dự toán chi và có nguồn thu đảm bảo, *BQLDA thực hiện lập và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.*

c) Chậm nhất đến **ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạc**h, dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm kế hoạch phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án:

a) Đối với các nguồn thu: Tùy điều kiện cụ thể của nguồn thu và nhiệm vụ thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA chịu trách nhiệm xác định:

- Nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi thường xuyên trong năm).

- Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trong năm).

b) Đối với kinh phí chi hoạt động thường xuyên, trong quá trình thực hiện, căn cứ tổng phần chi trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, BQLDA được điều chỉnh các nội dung chi, các nhóm mục chi trong dự toán theo các nội dung tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan thanh toán nơi đơn vị mở tài khoản để theo dõi, quản lý, thanh toán và quyết toán.

**Kết thúc năm ngân sách,** BQLDA xác định các khoản chi theo dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết để chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

c) Trường hợp thu không đạt dự toán thì chủ đầu tư phải điều chỉnh dự toán chi thường xuyên cho phù hợp, đảm bảo dự toán chi thường xuyên không được vượt dự toán thu. Trường hợp dự toán thu hoặc dự toán chi thường xuyên hoặc cả dự toán thu và dự toán chi vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

d) Đối với kinh phí chi cho hoạt động không thường xuyên sử dụng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của BQLDA: khi điều chỉnh các nhóm mục chi, nhiệm vụ chi thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung. Trong năm chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

đ) Đối với các khoản hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các khoản chi của BQLDA bao gồm chi thường xuyên và chi không thường xuyên: điều chỉnh các nhóm mục chi, nhiệm vụ chi, kinh phí cuối năm chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 20. Quyết toán của BQLDA nhóm II**

**1. Kết thúc năm kế hoạch, trong thời hạn 90 ngày,** kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật, BQLDA lập báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư, đồng thời lập báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trình cơ quan thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 phê duyệt.

Hồ sơ quyết toán thu, chi năm gồm có:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán.

b) Báo cáo quyết toán năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA.

c) Các chứng từ chi tiêu phát sinh trong năm.

2. Thẩm tra quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án hàng năm:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án giao đơn vị chức năng tổ chức thẩm tra trước khi phê duyệt.

b) Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra việc phân bổ chi phí quản lý dự án và các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo các năm và năm kế hoạch.

Đối chiếu số liệu trong Báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm thực hiện theo Mẫu số 02/QT-QLDA với dự toán năm được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có).

Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thời hạn thẩm tra và phê duyệt quyết toán *trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ*. Quyết định phê duyệt quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án năm theo Mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA kèm theo.

4. Hằng năm, BQLDA thực hiện việc phân bổ chi phí quản lý cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Đối với các chi phí cho công tác tư vấn: tiếp nhận, bảo quản vật tư thiết bị,... và các chi phí trực tiếp khác của dự án nào thì phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Phần chi phí quản lý chung: căn cứ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm ngân sách để phân bổ cho phù hợp, đảm bảo tổng chi phí chung được phân bổ và chi phí trực tiếp của từng dự án không vượt quá dự toán thu được duyệt của dự án đó.

5. Khi từng dự án được giao quản lý hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, các khoản chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng,... được quyết toán theo đúng định mức trích (tỷ lệ %) hoặc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong tổng mức đầu tư, dự toán của dự án.

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các BQLDA nhóm I:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án.

b) Thực hiện việc lập dự toán, thẩm định, phê duyệt (đối với chủ đầu tư) hoặc trình cấp thẩm quyền (đối với BQLDA đầu tư xây dựng 1 dự án) phê duyệt dự toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, lập báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để trình cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Giám đốc BQLDA nhóm II:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

b) Thực hiện việc lập dự toán, báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

d) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng, tổ chức thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp kinh tế khác và các văn bản hướng dẫn, báo cáo cơ quan cấp trên.

đ) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

e) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của cơ quan thanh toán

a) Chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định về thanh toán vốn đầu tư, đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm đối chiếu và xác nhận kinh phí đã thanh toán trong năm, kinh phí còn dư theo dự toán tại Mẫu số 01/QT-QLDA, Mẫu số 02/QT-QLDA báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự áncủa các chủ đầu tư, BQLDA.

4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

a) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự toán, quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các Ban QLDA chuyên ngành, BQLDA khu vực do mình thành lập.

b) Quyết định phương án tự chủ về tài chính đối với các BQLDA chuyên ngành, khu vực do mình thành lập.

c) Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý, có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, BQLDA sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

**Điều 22. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và thay thế quy định tại Điều 7 Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |
| --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;  - HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Công báo;  - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, Vụ ĐT, (600). |